TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 490/2025/QĐST-HNGĐ	*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 25 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ các Điều 397, 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 55, 57, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 685/2025/TLST-HN ngày 06/6/2025 về yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con, chia tài sản khi ly hôn gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Ông Đỗ Ngọc V, sinh năm 1973; Địa chỉ: Số 123B/49, đường Q, Phường D, quận G (nay là phường S), Thành phố H.

- Bà Phạm Thị Tr, sinh năm 1981; Địa chỉ: xóm K, thôn T, xã Y, huyện S (nay là xã Y), tỉnh X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Hôn nhân giữa ông V và bà Tr là hôn nhân tự nguyện và hợp pháp được pháp luật công nhận theo Giấy chứng nhận kết hôn 127, quyển số 01/2015 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Phường D, quận G (nay là phường S), Thành phố H.

[2] Theo đơn yêu cầu ghi ngày 21 tháng 5 năm 2025 và Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 15/8/2025 ông V và bà Tr yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, có 01 con chung.

[3] Tòa án đã hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Xét thấy ông Tr và bà V thật sự tự nguyện ly hôn, đã thỏa thuận về việc không chia tài sản chung, đã thoả thuận được việc nuôi con chung, trên cơ sở bảo đảm quyền lợi chính đáng của vợ và con.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận ông Đỗ Ngọc V và bà Phạm Thị Tr thuận tình ly hôn. Giấy chứng nhận kết hôn 127, quyển số 01/2015 ngày 21 tháng 9 năm 2015 của Ủy ban nhân dân Phường D, quận G (nay là phường S), Thành phố H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên là Đỗ Phạm Hoàng B, sinh ngày 11/07/2018. Giao cho bà Phạm Thị Tr trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đỗ Ngọc V cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng/tháng.

Kể từ khi bà Phạm Thị Tr có đơn yêu cầu thi hành án, ông Đỗ Ngọc V chưa đóng góp số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng ông V còn phải chịu tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 bộ luật dân sự năm 2015.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình 2014 Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Vì lợi ích của con khi có lý do chính đáng, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Ông Đỗ Ngọc V và bà Phạm Thị Tr phải chịu lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được cấn trừ vào số tiền tạm nộp lệ phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai số 0000117 ngày 05/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Gò Vấp (nay là Phòng THADS Khu vực 7); đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND.Khu vực 7;
- UBND P.8,Q.Gò Vấp. (nay là phường Thông Tây Hội);
- Phòng THADS khu vực 7 - TP.HCM
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Chu Thị Bình